

Số: **569** /VTVcab
V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN
của BCTC hợp nhất năm 2020 thay đổi từ
10% trở lên so với BCTC hợp nhất năm
trước

Hà Nội, ngày **10** tháng 04 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam
Mã chứng khoán: CAB
Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 06/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ –SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 của VTVcab thay đổi trên 10% so với năm trước:

Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch năm 2020 với năm 2019	
				Giá trị (VND)	Tỷ lệ % tăng/giảm
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.240.874.426.708	2.189.787.074.045	51.087.352.663	2,33%
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(28.522.727)	(424.107.696)	395.584.969	-93,27%
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.240.845.903.981	2.189.362.966.349	51.482.937.632	2,35%
11	Giá vốn	(1.631.067.597.032)	(1.596.336.799.663)	(34.730.797.369)	2,18%
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	609.778.306.949	593.026.166.686	16.752.140.263	2,82%
21	Doanh thu hoạt động tài chính	3.026.596.309	3.845.835.409	(819.239.100)	-21,30%
22	Chi phí tài chính	(33.686.893.816)	(61.063.871.862)	27.376.978.046	-44,83%

23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(33.000.688.552)	(60.637.160.274)	27.636.471.722	-45,58%
24	Phần lỗ trong công ty Liên kết	(23.301.876.661)	(20.680.797.612)	(2.621.079.049)	12,67%
25	Chi phí bán hàng	(219.533.992.673)	(213.702.849.634)	(5.831.143.039)	2,73%
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(265.229.279.559)	(274.140.464.607)	8.911.185.048	-3,25%
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	71.052.860.549	27.284.018.380	43.768.842.169	160,42%
31	Thu nhập khác	17.956.044.717	1.099.456.641	16.856.588.076	1533,17%
32	Chi phí khác	(402.153.253)	(1.866.423.065)	1.464.269.812	-78,45%
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	17.553.891.464	(766.966.424)	18.320.857.888	2388,74%
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	88.606.752.013	26.517.051.956	62.089.700.057	234,15%
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(19.624.176.682)	(10.201.258.132)	(9.422.918.550)	92,37%
52	Thuế TNDN hoãn lại	(5.246.255.189)	(5.099.354.245)	(146.900.944)	2,88%
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	63.736.320.142	11.216.439.579	52.519.880.563	468,24%

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của VTVcab tăng 468,24% so với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Tổng Công ty. Nguyên nhân chính là do trong năm 2020 VTVcab thực hiện chuyển nhượng tài sản là hệ thống mạng cáp quang truyền dẫn cho đối tác nên dẫn đến chỉ tiêu thu nhập khác tăng. Đồng thời, VTVcab đã thực hiện tiết giảm tối đa các khoản chi phí, cụ thể: chi phí tài chính trong năm 2020 so với năm trước giảm 44,83% (chủ yếu là chi phí lãi vay), chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2020 so với năm trước giảm 3,25%, chi phí khác giảm 78,45% nên tổng lợi nhuận sau thuế năm 2020 của VTVcab tăng so với năm 2019.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT
Hoàng Ngọc Huân